

HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC

Số: 25-LCT/HĐNN8

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 1989

PHÁP LỆNH

Về ký kết và thực hiện điều ước quốc tế của nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Để thực hiện chính sách đối ngoại, phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tăng cường tình hữu nghị và quan hệ hợp tác giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các nước và các dân tộc trên thế giới, góp phần bảo vệ hoà bình và an ninh quốc tế;

Để bảo đảm việc thực hiện nghiêm chỉnh các cam kết quốc tế;

Căn cứ vào Điều 14 và Điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Pháp lệnh này quy định việc ký kết và thực hiện điều ước quốc tế của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Điều ước quốc tế của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1- Điều ước quốc tế của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm hiệp ước, công ước, định ước, hiệp định, nghị định thư, thoả thuận, công hàm trao đổi và các văn kiện pháp lý quốc tế khác ký kết giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam với một hay nhiều quốc gia, tổ chức quốc tế hoặc chủ thể khác của pháp luật quốc tế.

2- Điều ước quốc tế của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được ký kết với danh nghĩa;

a) Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

b) Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

c) Bộ, Uỷ ban Nhà nước, cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, (sau đây gọi là cơ quan cấp ngành).

Điều 2

Nguyên tắc ký kết điều ước quốc tế.

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết điều ước quốc tế với các nước và các tổ chức quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, không can thiệp công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi, phù hợp với pháp luật và tập quán quốc tế.

CHƯƠNG II

KÝ KẾT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Điều 3

Đề xuất ký kết điều ước quốc tế.

Việc đề xuất ký kết điều ước quốc tế được tiến hành như sau;

- 1- Điều ước quốc tế về hoà bình, an ninh, chủ quyền, biên giới, lãnh thổ quốc gia; về quyền và nghĩa vụ công dân do Bộ Ngoại giao đề xuất và trình Hội đồng bộ trưởng sau khi có ý kiến của cơ quan hữu quan.
- 2- Điều ước quốc tế về các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật do các cơ quan cấp ngành đề xuất và trình Hội đồng bộ trưởng sau khi có ý kiến Bộ Ngoại giao.
- 3- Dự thảo điều ước quốc tế có điều khoản trái với pháp luật của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải có ý kiến của Bộ tư pháp trước khi trình Hội đồng bộ trưởng.

Điều 4

Thẩm quyền quyết định việc ký kết điều ước quốc tế.

- 1- Hội đồng Nhà nước quyết định việc ký kết điều ước quốc tế với danh nghĩa Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và những điều ước quốc tế có điều khoản trái với luật hoặc pháp lệnh.
- 2- Hội đồng bộ trưởng quyết định việc ký kết điều ước quốc tế với danh nghĩa Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- 3- Thủ trưởng cơ quan cấp ngành quyết định việc ký kết điều ước quốc tế với danh nghĩa cơ quan cấp ngành sau khi được Hội đồng Nhà nước hoặc Hội đồng bộ trưởng cho phép.

Điều 5

Ủy quyền đàm phán và ký điều ước quốc tế.

1- Trưởng đoàn đàm phán và ký điều ước quốc tế phải được uỷ quyền;

a) Của Hội đồng Nhà nước, khi đàm phán và ký với danh nghĩa Nhà nước;

b) Của Hội đồng bộ trưởng, khi đàm phán và ký với danh nghĩa Chính phủ. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao xác nhận uỷ quyền của Hội đồng bộ trưởng, trừ trường hợp Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng trực tiếp ký uỷ quyền;

c) Của thủ trưởng cơ quan cấp ngành, khi đàm phán và ký với danh nghĩa cơ quan cấp ngành.

2- Bộ ngoại giao làm thủ tục uỷ quyền của Hội đồng Nhà nước, Hội đồng bộ trưởng và hướng dẫn việc cấp giấy uỷ quyền của cơ quan cấp ngành.

Điều 6

Đàm phán và ký điều ước quốc tế không cần giấy uỷ quyền.

1- Theo thẩm quyền và chức năng của mình, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao không cần giấy uỷ quyền khi đàm phán và ký điều ước quốc tế.

2- Thủ trưởng cơ quan cấp ngành không cần giấy uỷ quyền khi đàm phán và ký điều ước quốc tế với danh nghĩa cơ quan cấp ngành.

3- Người đứng đầu cơ quan đại diện ngoại giao của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài hoặc bên cạnh tổ chức quốc tế không cần giấy uỷ quyền khi đàm phán với nước sở tại hoặc với tổ chức quốc tế hữu quan về văn bản điều ước quốc tế; nhưng khi ký điều ước quốc tế đó thì phải có giấy uỷ quyền theo quy định tại Điều 5 của Pháp lệnh này.

Điều 7

Phê chuẩn điều ước quốc tế.

1- Điều ước quốc tế phải được phê chuẩn là điều ước nói tại khoản 1 Điều 4 của Pháp lệnh này và điều ước quốc tế có điều khoản quy định việc phê chuẩn.

2- Việc phê chuẩn điều ước quốc tế thuộc thẩm quyền Hội đồng Nhà nước, trừ trường hợp Hội đồng Nhà nước thấy cần trình Quốc hội quyết định.

3- Việc xin phê chuẩn điều ước quốc tế do cơ quan đề xuất việc ký kết phối hợp với Bộ Ngoại giao đề nghị Hội đồng bộ trưởng trình Hội đồng Nhà nước.

4- Sau khi có quyết định phê chuẩn, Bộ Ngoại giao làm thủ tục đối ngoại về việc phê chuẩn điều ước quốc tế và thông báo cho cơ quan hữu quan ngày bắt đầu có hiệu lực của điều ước quốc tế đó.

Điều 8

Phê duyệt điều ước quốc tế.

1- Điều ước quốc tế phải được phê duyệt là điều ước quốc tế ký kết với danh nghĩa Chính phủ hoặc danh nghĩa cơ quan cấp ngành trong đó có điều khoản quy định việc phê duyệt.

2- Việc phê duyệt điều ước quốc tế thuộc thẩm quyền Hội đồng bộ trưởng.

3- Việc xin phê duyệt điều ước quốc tế do cơ quan đề xuất ký kết điều ước quốc tế trình Hội đồng bộ trưởng.

4- Sau khi có quyết định phê duyệt, Bộ Ngoại giao làm thủ tục đối ngoại về việc phê duyệt điều ước quốc tế và thông báo cho cơ quan hữu quan ngày bắt đầu có hiệu lực của điều ước quốc tế đó.

Điều 9

Gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên.

1- Hội đồng Nhà nước quyết định việc gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên có điều khoản quy định việc phê chuẩn hoặc có điều khoản trái luật hoặc pháp lệnh. Hội đồng bộ trưởng quyết định việc gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên khác.

2- Điều ước quốc tế nhiều bên liên quan đến lĩnh vực thuộc cơ quan cấp ngành nào thì cơ quan đó nghiên cứu đề xuất việc gia nhập và phối hợp với Bộ Ngoại giao làm tờ trình Hội đồng Nhà nước hoặc Hội đồng bộ trưởng.

3- Sau khi có quyết định của Hội đồng Nhà nước hoặc của Hội đồng bộ trưởng, Bộ Ngoại giao làm thủ tục đối ngoại về việc gia nhập điều ước quốc tế nhiều bên và thông báo cho cơ quan hữu quan ngày bắt đầu có hiệu lực của điều ước quốc tế đó.

Điều 10

Bảo lưu đối với điều ước quốc tế nhiều bên.

Đối với điều ước quốc tế nhiều bên có điều khoản cần bảo lưu, cơ quan hữu quan phải nêu rõ yêu cầu và nội dung bảo lưu đó, khi xin ký, phê chuẩn, phê duyệt hoặc gia nhập.